

Số: 23/2019/QĐST-HNGĐ

Thành phố Bến Tre, ngày 15 tháng 01 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE-TỈNH BẾN TRE

Căn cứ các Điều 212, 213 và 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 482/2018/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2018 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

- **Ông Đoàn Hữu L**, sinh năm: 1982.

Địa chỉ: xã L, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- **Bà Tôn Thị Kim Q**, sinh năm: 1984.

Địa chỉ: ấp B, xã M, thành phố T, tỉnh Bến Tre.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: ông L và bà Q tự nguyện kết hôn vào năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu vào ngày 26/5/2008 nên hôn nhân của ông bà là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Tại biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 07/01/2019, ông L và bà Q tự nguyện ly hôn với nhau là phù hợp theo quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2] Về con chung: có 01 con chung tên Đoàn Tấn P, sinh ngày 20/6/2009.

Ông L và bà Q thỏa thuận: Sau khi ly hôn, bà Q được trực tiếp nuôi con chung. Ông L tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 (một triệu năm trăm nghìn) đồng/tháng. Thời gian cấp dưỡng kể từ khi quyết định có hiệu lực đến khi con chung tròn 18 tuổi.

[3] Về tài sản chung: ông L và bà Q tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải

quyết.

[4] Về nợ chung: **ông L và bà Q** cùng khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Lệ phí giải quyết Việc dân sự là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, ông L và bà Q phải chịu.

Đã hết thời hạn 07 (Bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: **ông L và bà Q** tự nguyện thuận tình ly hôn với nhau.
- Về con chung: có 01 con chung tên Đoàn Tấn P, sinh ngày 20/6/2009.

Sau khi ly hôn, bà Q được trực tiếp nuôi con chung. Ông L tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 (một triệu năm trăm nghìn) đồng/tháng. Thời gian cấp dưỡng kể từ khi quyết định có hiệu lực đến khi con chung tròn 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

Vì quyền và lợi ích mọi mặt của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: **ông L và bà Q** tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về các vấn đề khác: **ông L và bà Q** đều khai không có nợ chung nên Tòa án không xem xét giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: lệ phí việc dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng ông **ông L và bà Q** phải chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng mà **ông L và bà Q** đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0021767 ngày 17 tháng 12 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND TP Bến Tre;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS TP Bến Tre;
- UBND xã P, TPBT;
- Các đương sự;
- Lưu.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Phạm Thị Xuân Thi

